

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn S, sinh năm 1962 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Đội 9, thôn 6, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà Trần Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về diện tích đất tranh chấp: Hai bên thống nhất là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P đang sử dụng diện tích đất tranh chấp là 475,2m², đất tọa lạc tại Đội 9, thôn 6, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2.2. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P đồng ý trả lại cho ông Trần Văn S và bà Đinh Thị L phần diện tích đất là 475,2m², các bên thống nhất trả các phần diện tích đất gồm tứ cận như sau:

+ Diện tích đất 34,2m² có tứ cận: Phía bắc giáp đất ông T, bà P dài 17,25m; phía nam giáp đất ông S, bà L dài 17,25m; phía tây giáp đất ông S, bà L dài 1,95m; phía đông giáp đường thôn dài 1,95m; đất tọa lạc tại Đội 9, thôn 6, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản là cây tiêu.

+ Diện tích đất 441m² có tứ cận: Phía bắc giáp đất ông Ngô Văn A dài 40,61m; phía nam, phía tây giáp đất suối dài 27,93m; phía đông giáp đất ông T, bà P dài 31,86m; đất tọa lạc tại Đội 9, thôn 6, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản là cây cà phê.

Tổng giá trị tài sản là 5.000.000 đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và chi phí đo đạc 5.557.000đ (*Năm triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng*), hai bên thống nhất thỏa thuận là ông T, bà P phải chịu. Do ông S, bà L đã tạm ứng chi phí này nên ông T, bà P có nghĩa vụ trả số tiền 10.557.000đ cho ông S, bà L.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) hai bên thống nhất thỏa thuận ông T, bà P có nghĩa vụ nộp

Trả lại cho ông Trần Văn S và bà Đinh Thị L số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đ (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0018923 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TUYẾT